TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/HS-ST
Ngày 14-6-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hoài Nam

Bà Đỗ Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vương Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm Toà án nhân dân thành phố Hà Nội và điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2024/TLST-HS ngày 27/5/2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HS ngày 27/5/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S - Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1999 tại: Hà Nội; nơi cư trú: Thôn D, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 08/12; con ông: Nguyễn Văn A và con bà: Phạm Thị M; TATS: Theo danh chỉ bản số 110 ngày 24/01/2024 do Công an huyện G lập và Lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền án: Bản án số 218/2017/HSST ngày 20/12/2017, Tòa án nhân dân quận B, Hà Nội xử phạt 16 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 21/12/2018 (đã được xóa).

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 18/01/2024 đến ngày 24/01/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1963 (đã chết);

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Nguyễn Viết B, sinh năm 1964; trú tại: Thôn K, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Quốc K, sinh năm 1967; trú tại: Ngõ H, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2023, Nguyễn Văn S, sinh năm 1999, trú tại thôn D, xã P, huyện G, Hà Nội lên mạng xã hội facebook liên lạc một tài khoản không rõ nhân thân mua giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Nguyễn Văn S, số 010218513298 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 10/7/2021, thời hạn đến 10/3/2026, giá hơn 200.000 đồng mục đích để lái xe thuê. Ngày 01/9/2023, S có đến chỗ anh Trần Quốc K xin lái xe thuê và cung cấp bằng lái xe và căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn S cho anh K xem. Sau đó, anh K đồng ý và ghi lại bản photo có giấy phép lái xe và ký hợp đồng thuê lái xe chở hàng với thời hạn 2 năm. Khoảng 2 giờ ngày 17/01/2024, S điều khiển xe ô tô tải BKS: 29H-040.14 đi từ chợ đầu mối phía nam tại quận H, Hà Nội sang bến xe Mỹ Đình đón bạn tên N1 quê Yên Bái không rõ nhân thân. Sau khi đón N1 lên ghế phụ cạnh ghế lái còn S điều khiển xe về nhà. Khoảng 5 giờ cùng ngày, S đi về đến khu vực ngã ba đường giao nhau với ngõ 179 đường D, thuộc xã P, huyện G thì bật đèn xi-nhan, chuyển hướng phương tiện sang bên trái vào ngõ 179 để đi vào thôn D, xã P. Do S không chú ý quan sát, không phát hiện thấy bà Trần Thị N, sinh năm: 1963, trú tại thôn K, xã K, huyện G, Hà Nội đi xe đạp phía sau có giá chở hàng đi trên đường D theo chiều phố K đi ngã tư X đến giữa ngõ 179. S đạp phanh xe nhưng do khoảng cách quá gần dẫn đến mặt trước bên trái đầu xe ô tô biển số 29H-040.14 va vào mặt ngoài đầu tay lái bên trái xe đạp. Sau khi gây tai nạn, S và N1 xuống xe thấy xe đạp bị đổ nghiêng bên phải còn bà N nằm ngửa xuống đường chân phải bị xe đạp đè lên không thấy nói gì. S sợ nên bảo N1 lên xe đi về nhà mục đích để trốn tránh trách nhiệm. Khoảng 6 giờ cùng ngày, N1 bắt xe ôm bỏ đi còn S điều khiển xe ô tô đến bãi xe khu vực quận H, Hà Nội cất xe, sau đó bỏ trốn. Bà N bị thương tích được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện V, sau đó tử vong. Đến ngày 18/01/2024, Nguyễn Văn S đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đầu thú.

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường:** Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là ngã 3 đường D giao với ngõ 179, thuộc xã P, huyện G, Hà Nội. Ngõ 179 nằm ở bên phải đường D theo hướng từ Bắc Ninh đi ngã tư X. Đường D có chiều rộng 14m, được chia thành 04 làn đường, mỗi làn có chiều rộng 3,50m, ở giữa có hai

vạch sơn vàng liền mạch phân chia hai chiều đường xe chạy, mỗi chiều có 02 làn xe được phân định bằng vạch sơn trắng đứt quãng. Ngõ 179 có chiều rộng là 5,7m và có lối mở giao với đường D là 13,5m. Cả hai đường này đều được trải nhựa thẳng, phẳng, tổ chức các phương tiện lưu thông hai chiều. Mốc hiện trường là tâm cột điện ký hiệu 12B/T4-18 nằm ở lề đường bên phải ngõ 179 theo hướng từ ngõ 179 đi ra đường D. Mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn là mép đường bên trái ngõ 179 theo hướng từ ngõ 179 đi ra đường D.

(1) Vị trí hai vết phanh đơn song song dài 2,80m, điểm gần nhất giữa hai vết phanh này cách nhau 1,34m. Sau tai nạn để lại ở hiện trường nằm gần giữa ngã 3 ngõ 179 và đường D, đầu vết phanh phía ngoài nằm gần với mép đường D, vị trí điểm cuối vết phanh này quay hướng ngõ 179. Đo từ đầu vết phanh phía ngoài và cuối vết phanh phía ngoài gần với đường D này vào mép đường làm chuẩn lần lượt được 3,10m và 1,60m.

(2) Đo từ cuối vết phanh phía ngoài gần đường D bằng một đường thẳng song song với mép đường làm chuẩn về hướng đi vào ngõ 179 được 2,9m là vị trí hình chiếu tâm đầu trục bánh lốp trước của xe đạp đã được dựng lên. Vị trí xe đạp đã được người dân dựng lên, đầu xe quay ra đường D đuôi xe quay hướng ngược lại. Đo từ hình chiếu tâm đầu trục bánh lốp trước, bánh lốp sau xe đạp này vào mép đường làm chuẩn được lần lượt là 1,00m và 0,30m.

(3) Đo từ vị trí hình chiếu tâm đầu trục bánh lốp sau xe đạp này một đường thẳng song song với mép đường làm chuẩn về hướng đi vào ngõ 179 được 0m80 là vị trí tâm vùng rau, quả diện (1,00 x1,00)m sau tai nạn nằm rải rác phía sau đuôi xe đạp đã được dựng lên. Đo từ tâm vị trí rau quả này vào mép đường làm chuẩn được 0,50m.

(4) Đo từ vị trí tâm đầu trục bánh lốp trước xe đạp bằng một đường thẳng song song với mép đường chuẩn về hướng đi vào ngõ 179 được 2,30m là vị trí tâm cột điện ký hiệu 12B/T4-18 (mốc hiện trường).

*** Dấu vết va chạm giữa các phương tiện liên quan:** Ngày 29/02/2024, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có Bản kết luận giám định số: 775/92/KL-KTHS; kết luận như sau:

"1/ Dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển số 29H - 040.14 với xe đạp, dấu vết va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện:

- Dấu vết biến dạng, trượt xước, mất sơn màu xanh, dính chất màng mẫu ghi (dạng nhựa) ở mặt trước bên trái đầu xe ô tô biển số 29H-040.14 có chiều từ trước về sau, từ phải sang trái (ảnh 4, 6 trong bản ảnh giảm định), phù hợp với dấu vết biến dạng, trượt xước, dính chất màu xanh (dạng sơn), mất nhựa mầu ghi ở mặt ngoài đầu tay lái bên trái xe đạp. Dấu vết va chạm ở xe đạp tại vị trí

này có chiều từ bên trái sang bên phải xe đạp, từ trước về sau (ảnh 5,7 trong bản ảnh giám định).

- Dấu vết trượt xước, mất sơn màu xanh, dính chất màu đen (dạng nhựa) ở mặt trước bên trái chắn đã trước xe ô tô biển số 29H-040.14 có chiều từ trước về sau (ảnh 4, 8 trong bản ảnh giám định), phù hợp với dấu vết trượt xước, dính chất màu xanh (dạng sơn), mất nhựa màu đen ở mặt ngoài đầu bàn đạp bên trái xe đạp. Dấu vết va chạm ở xe đạp tại vị trí này có chiều từ bên trái sang bên phải xe (ảnh 5, 9 trong bản ảnh giám định). Hai dấu vết va chạm nêu trên ở xe ô tô biển số 29H-040.14 và ở xe đạp xảy ra đồng thời và là dấu vết va chạm đầu tiên ở hai phương tiện trên.

2/ Cơ chế hình thành dấu vết va chạm còn lại ở hai phương tiện: Các dấu vết còn lại ở xe ô tô biển số 29H-040.14 và ở xe đạp được ghi nhận trong "Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông" của Công an huyện G hiện tại không thể hiện rõ đặc điểm nên không đủ yếu tố giám định."

*** Kết luận giám định pháp y tử thi nạn nhân Trần Thị N:** Tại bản kết luận pháp y tử thi số: 141/92/KLGĐTT-TTPY ngày 07/02/2024 của Trung tâm pháp y Hà Nội kết luận như sau:

"1. Các kết quả chính:

Kết quả khám nghiệm:

- Các vết: Sưng nề thái dương đỉnh trái; Bầm tím da quanh mắt phải; Bầm tìm da vùng mặt trái, góc hàm trái; Bầm tím da sau tai trái; Rách da niêm mạc môi dưới; Bầm tím da ngực phải; Bầm tím da ngực trái xương đòn trái; Bầm tím da mạn sườn phải; Bầm tím da cánh tay trái; Bầm tím da khuỷu tay trái; Bầm tím da mu bàn tay trái, Bầm tím da mặt sau trong gối phải; Sây sát, bầm tím da kheo chân trái do va chạm với vật tày gây nên.

Kết quả xét nghiệm, giám định khác:

- Kết luận giám định độc chất:

+ Mẫu máu của nạn nhân Trần Thị N giám định. Không tìm thấy Ethanol.

+ Mẫu máu của nạn nhân Trần Thị N giám định: Không tìm thấy các chất ma túy kể trên.

2/ Kết luận: Kết luận nguyên nhân chết: Do không mổ tử thi nên không kết luận được nguyên nhân chết."

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện G đã thu thập hồ sơ bệnh án của nạn nhân Trần Thị N của Bệnh viện V cung cấp, nhận thấy: Bệnh nhân vào viện hồi 6 giờ 30 phút ngày 17/01/2024 trong tình trạng hôn mê sâu 3 điểm, đồng tử bên

phải 4mm, bên trái khó đánh giá, phản xạ ánh sáng yếu. Hàm mặt sưng nề, ngực bầm tím thành ngực di động theo nhịp thở, tứ chi không biến dạng. Chẩn đoán Đa chấn thương: chấn thương sọ não 3 điểm, chấn thương ngực kín, chấn thương bụng kín. Bệnh nhân tiên lượng nặng, nguy cơ tử vong cao, đến 08 giờ 45 phút cùng ngày gia đình xin về không tiếp tục điều trị.

Tại bản cáo trạng số: 108/CT-VKSGL ngày 22/5/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

a. Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 260, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S: Từ 48 đến 54 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 18/01/2024.

- Hình phạt bổ sung: Không.

b. Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại anh Trần Quốc K 01 xe ô tô BKS: 29H-040.14; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 364189 của xe ô tô BKS: 29H-040.14; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 0263453 của xe ô tô BKS: 29H-040.14;01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số C124CB0046682 của xe ô tô BKS: 29H-040.14.

c. Về trách nhiệm dân sự: Ông B đã nhận bồi thường số tiền 60.000.000 đồng, gồm số tiền 40.000.000đ của ông Nguyễn Văn A (bố của bị can Nguyễn Văn S) và số tiền 20.000.000đ của ông Trần Quốc K.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường dân sự cho ông Nguyễn Viết B số tiền 120.000.000 đồng do vậy căn cứ khoản 1 Điều 585 Bộ luật Dân sự chấp nhận việc thỏa thuận bồi thường dân sự của các bên.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện G là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, sơ đồ hiện trường, bản Kết luận giám định dấu vết phương tiện liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 05 giờ ngày 17/01/2024, Nguyễn Văn S không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô BKS: 29H-040.14 đi đến ngõ 179 đường D, xã P, huyện G, Hà Nội thì chuyển hướng phương tiện sang bên trái vào ngõ 179 không chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn, không nhường đường cho các phương tiện đi theo chiều ngược lại dẫn đến trước bên trái đầu xe ô tô biển số 29H-040.14 đâm vào mặt ngoài đầu tay lái bên trái xe đạp do bà Trần Thị N điều khiển đi trên đường D theo chiều phố K đi ngã tư X. Hậu quả, bà N tử vong. Sau đó, S điều khiển xe ô tô rời khỏi hiện trường để trốn tránh trách nhiệm.

Trong vụ tai nạn giao thông trên lỗi và nguyên nhân gây ra vụ tai nạn giao thông thuộc về bị cáo Nguyễn Văn S khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định, chuyển hướng phương tiện không chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn, không nhường đường cho các phương tiện đi theo chiều ngược lại vi phạm khoản 9, khoản 23 Điều 8, khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ. Bị hại là bà Trần Thị N điều khiển xe đạp đúng phần đường, chiều đường, không có lỗi trong vụ án trên.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

[4]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã có đủ yếu tố cấu thành tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"; tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Nhân thân của bị cáo có 01 tiền án: Bản án số 218/2017/HSST ngày 20/12/2017, Tòa án nhân dân quận B, Hà Nội xử phạt 16 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 21/12/2018. Tiền án trên của bị cáo đã đương nhiên được xóa theo luật định. Vì vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho đại diện gia đình bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định ở trên là có căn cứ.

[9]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về nhân thân của bị cáo, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về trách nhiệm dân sự:

[10]. Ông Nguyễn Viết B (chồng của bị hại) yêu cầu chủ xe là anh Trần Quốc K và bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường tổn thất tinh thần số tiền là 180.000.000 đồng. Ông B đã nhận bồi thường số tiền 40.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn A (bố của bị cáo S). Anh K đã tự nguyện hỗ trợ cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng.

Nay, ông B đề nghị Tòa án xét xử bị cáo S theo quy định pháp luật và yêu cầu tiếp tục được bồi thường số tiền còn lại. Xét thấy, bị cáo S tự ý lấy xe của anh K tham gia giao thông và gây ra tại nạn nên bị cáo S phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tính mạng cho gia đình bị hại là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị cáo S tự nguyện thỏa thuận chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền còn lại theo yêu cầu của gia đình bị hại là 120.000.000 đồng nên ghi nhận là có căn cứ.

- Về xử lý vật chứng:

[11]. Thu giữ của anh Trần Quốc K: 01 xe ô tô BKS: 29H-040.14; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 364189 của xe ô tô BKS: 29H-040.14; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 0263453 của xe ô tô BKS: 29H-040.14; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số C124CB0046682 của xe ô tô BKS: 29H-040.14. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh K bị bị cáo S tự ý lấy điều khiển gây tai nạn. Anh K không có lỗi nên trả lại cho anh K là có căn cứ.

- Về các vấn đề khác:

[12]. Đối với anh Trần Quốc K ký hợp đồng thuê Nguyễn Văn S lái xe, anh K không biết S đưa bằng lái xe hạng C mang tên Nguyễn Văn S cho anh K là giả nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G không xem xét xử lý anh Trần Quốc K về hành vi giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

[13]. Đối với người bán giấy phép lái xe cho bị cáo S: S khai mua giấy phép lái xe của người không rõ nhân thân, hiện nay đã làm mất giấy phép lái xe. Tại công văn số 813 ngày 15/02/2024 của Sở giao thông vận tải thành phố Hà Nội trả lời kết quả xác minh không có các thông tin về giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn S (có lý lịch như trên). Nay, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra quyết định tách tài liệu, hồ sơ có liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật.

[14]. Đối với người phụ nữ tên N1 không rõ nhân thân ngồi ghế phụ xe ô tô BKS: 29H-040.14 do Nguyễn Văn S điều khiển khi xảy ra tai nạn không liên quan đến hành vi phạm tội của S nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G không xem xét xử lý.

[15]. Đối với 01 xe đạp bằng kim loại thu giữ tại hiện trường là tài sản của bị hại Trần Thị N. Ngày 30/4/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả tài sản trên cho ông Nguyễn Viết B là đại diện hợp pháp của bị hại. Ông B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về tài sản.

[16]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và về các vấn đề khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về án phí:

[17]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[18]. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 45 *(Bốn mươi lăm)* tháng tù về tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/01/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 585 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Viết B số tiền 120.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho anh Trần Quốc K: 01 xe ô tô BKS: 29H-040.14; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 364189 của xe ô tô BKS: 29H-040.14; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 0263453 của xe ô tô BKS: 29H-040.14; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số C124CB0046682 của xe ô tô BKS: 29H-040.14.

(*Hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/5/2024*)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 6.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đại diện gia đình bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;*
- *VKS ND t/p Hà Nội;*
- *VKS ND huyện G;*
- *Công an huyện G;*
- *UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội (Thay cho thông báo kết quả xét xử);*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *Bị cáo và những người TGTT khác;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng